

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/3/2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Huyền

Ông Hoàng Văn Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023 tại Toà án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Ông Trương Văn Th, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/02/2023, các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T và ông Trương Văn Th tự nguyện tìm hiểu và tổ chức cưới theo phong tục, tập quán địa phương từ năm 1994 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà T và ông Th luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Từ năm 2016 đến nay, ông bà đã sống ly thân. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Th.

Về con: Bà T và ông Th có hai con chung là Trương Văn C, sinh ngày 26/5/1995 và Trương Ngọc M, sinh ngày 31/12/2004, hiện tại cả hai con của ông bà đã trưởng thành và tự lập nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Bà T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án ông Trương Văn Th không đến Tòa án làm việc mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Tòa án về tại địa phương thôn S, xã Ph làm việc trực tiếp và tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Th, ông Th nhận nhưng từ chối ký nhận biên bản giao nhận các văn bản tố tụng, từ chối viết bản tự khai, từ chối ký nhận biên bản làm việc với Tòa án. Ông Th có trình bày rằng ông và bà T không đăng ký kết hôn mà chỉ chung sống với nhau như vợ chồng và có hai con chung là Trương Văn C, sinh ngày 26/5/1995 và Trương Ngọc M, sinh ngày 31/12/2004. Ông Th không có lỗi gì với bà T mà bà T tự ý bỏ đi nên nay bà T khởi kiện xin ly hôn thì ông cũng không có liên quan và các con chung của ông bà hiện đã trưởng thành và tự lập nên cũng không có liên quan gì đến việc khởi kiện của bà T.

Kết quả xác minh tại địa phương xã Hoằng Phú, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày 16/02/2023: Bà Nguyễn Thị T và ông Trương Văn Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 và có hai con chung là Trương Văn C, sinh ngày 25/6/1995 và Trương Ngọc M, sinh ngày 31/12/2004, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Hiện tại bà T và ông Th đã sống ly thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa trình bày quan điểm:

- Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trương Văn Th. Về con chung: Các con chung của bà T và ông Th đã trưởng thành và tự lập nên đề nghị không xem xét. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc bà T phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn ông Trương Văn Th; Bị đơn – ông Th có địa chỉ thường trú tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa ngày 21/3/2023, ông Th vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định thời gian xét xử lại vụ án và tổng đạt ngay Quyết định hoãn phiên tòa tới ông Th. Tại phiên tòa lần thứ hai, ông Th vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về Nội dung:

[2.1]. *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T và ông Trương Văn Th tự nguyện tổ chức cưới và chung sống với nhau từ năm 1994, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Th không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không có cơ sở để giải quyết ly hôn mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông Th.

[2.2]. *Về con chung:* Bà T và ông Th có hai con chung là Trương Văn C, sinh ngày 26/5/1995 và Trương Ngọc M, sinh ngày 31/12/2004, hiện tại cả hai con của ông bà đã trưởng thành và tự lập, bà T và ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản:* Bà Nguyễn Thị T và ông Trương Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. *Về án phí:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, **Điều 227, Điều 228**, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trương Văn Th.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **AA/2021/0011375 ngày 02/02/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa. Bà T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Vân